

CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH KIÊN GIANG THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

HOÀNG THỊ MỸ NHÂN*

Kiên Giang là một tỉnh cực Tây Nam của Tổ quốc. Qua 25 năm thực hiện đường lối đổi mới, cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, song chưa bền vững, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn và đặc biệt là chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh địa phương. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do *chất lượng nguồn nhân lực (NNL) chưa cao, chưa theo kịp xu hướng phát triển chung của cả nước.*

1. Thực trạng NNL của tỉnh Kiên Giang

1) Về đào tạo nhân lực. Thời gian qua, công tác này đã từng bước phát triển, mặt bằng dân trí được nâng lên. Hiện nay, tại tỉnh có hơn 30 cơ sở làm nhiệm vụ đào tạo nhân lực với nhiều danh mục ngành nghề (nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, du lịch, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ,...); có phân hiệu đại học (ĐH) Nha Trang; 5 trường cao đẳng (CĐ) cộng đồng, CĐ sư phạm, CĐ y tế, CĐ kinh tế - kĩ thuật và CĐ nghề); 4 trường trung cấp (Chính trị, Kỹ thuật nghiệp vụ, Nghề dân tộc nội trú và Nghề vùng U Minh Thượng); 11 trung tâm dạy nghề; 2 trung tâm giới thiệu việc làm; 9 trung tâm giáo dục thường xuyên; 1 trung tâm hỗ trợ nông dân; 1 trung tâm khuyến công; 1 trung tâm khuyến nông, ngư; 1 hội làm vườn; 3 doanh nghiệp cổ tham gia dạy nghề trình độ cấp cơ sở.

Số sinh viên là con em của người dân trong tỉnh học tập ở các trường ĐH, CĐ, trường dạy nghề tăng lên rất rõ rệt qua các năm (xem *bảng 1*).

Đa số giảng viên (GV) dạy nghề, chuyên nghiệp (chủ yếu trung cấp và CĐ) đáp ứng được yêu cầu về chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực, nhiệt tình, tích cực trong công tác giảng dạy... Nhưng do mới thành lập và nâng cấp thời gian gần đây nên các cơ sở vẫn còn tình trạng thiếu GV (nhất là GV giỏi, có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao); một số trường phải liên kết thuê GV thỉnh giảng ở một số môn. Về hệ đào tạo, tập trung ở trình độ CĐ là chủ yếu, còn lại là liên kết, bồi dưỡng (xem *bảng 2*).

Bảng 1: Số SV là con em tỉnh được đào tạo/1 vạn dân

Hệ	Năm 2001	Năm 2005	Năm 2010
1. Hệ giáo dục			
- ĐH	4,46	20,03	41,73
- CĐ	7,78	20,38	37,36
- Trung cấp chuyên nghiệp	25,12	31,46	31,28
2. Hệ dạy nghề			
- CĐ nghề			1,36
- Trung cấp nghề	6,48	10,82	7,25
- Sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng	27,43	64,25	208,63
<i>Tổng số HS, SV</i>	<i>71,26</i>	<i>146,45</i>	<i>327,70</i>

2) Về sử dụng nhân lực.

10 năm trở lại đây, nhân lực trong nền kinh tế quốc dân của tỉnh tăng bình quân hàng năm 1,55%/năm (năm 2011, có

khoảng 959.419 người). Tỷ lệ thất nghiệp liên tục giảm qua các năm (giai đoạn 2006-2010 giảm 8,6%/năm; năm 2010 còn khoảng 2,8%).

Trong giai đoạn 2001-2011, cơ cấu lao động làm việc trong các ngành kinh tế ở các khu vực có sự chuyển dịch theo hướng giảm lao động làm việc ở khu vực I và tăng lao động làm việc ở khu vực II và khu vực III (xem *bảng 3*).

Bảng 3: Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2001-2011 (2).

(Đơn vị tính: %)

	Năm 2001	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2011
<i>Tổng lao động xã hội</i>	100,0	100,0	100,0	100,0
<i>Nông - Lâm - Ngư nghiệp</i>	76,10	68,23	63,11	61,80
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	6,80	9,39	11,50	12,08
<i>Dịch vụ</i>	17,10	22,38	25,39	26,12

* Trường Cao đẳng sư phạm Kiên Giang

Tóm lại, NNL tỉnh Kiên Giang thời gian qua có những sự phát triển hợp lý cả về số lượng, chất lượng và tình trạng làm việc. Tuy nhiên, phần lớn dân cư và lực lượng lao động tập trung ở khu vực nông thôn, tỉ lệ lao động tuy có tăng nhưng so với mặt bằng chung của khu vực và cả nước vẫn còn thấp. Cơ cấu trình độ đào tạo giữa ĐH, CĐ, TCCN và công nhân kĩ thuật chưa hợp lý; đào tạo nghề tăng khá nhanh, tuy có tiến bộ nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động; còn mang tính đại trà, ngắn hạn, thiếu lao động có chuyên môn kĩ thuật cao. Đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật có trình độ CĐ trở lên chủ yếu tập trung ở các đô thị, các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp. Một số chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút NNL của tỉnh chưa đủ mạnh và phù hợp; chế độ, chính sách đãi ngộ, môi trường làm việc còn thấp...Việc quản lí, sử dụng nguồn lực còn nhiều bất cập, chưa có sự phân công rõ ràng (mới chỉ quan tâm tới các lực lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước, còn các lực lượng khác ít được chú ý hơn).

2. Một số giải pháp phát triển NNL tỉnh Kiên Giang thời gian tới

1) Nâng cao dân trí, đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp: - Tạo ra cơ cấu lao động mới, trong đó lao động có trình độ cao, có kĩ năng, biết ngoại ngữ chiếm tỉ trọng ngày càng lớn để khai thác thế mạnh của tỉnh, tạo bước đột phá trong phát triển KT-XH; - Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt chủ trương đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở cấp học phổ thông; đẩy mạnh phong trào khuyến học, xây dựng xã hội hóa học tập trong nhân dân; - Chú trọng giáo dục hướng nghiệp từ cấp trung học cơ sở, đồng thời tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để có nhận thức và quan niệm đúng về học tập và định hướng nghề nghiệp cho con em; thực hiện phân luồng học sinh sau THCS và trung học phổ thông; - Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về phát triển NNL, nhất là nhân lực xã hội có trình độ chuyên môn kĩ thuật.

2) Đổi mới quản lí nhà nước về phát triển NNL: - Hoàn thiện bộ máy quản lí phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lí, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lí; - Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành về phát triển NNL, tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ, thống nhất, tránh trùng lặp; - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách và công cụ khuyến khích, thúc đẩy phát triển NNL

về: đầu tư; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tài chính; việc làm; bảo hiểm, bảo trợ xã hội; đãi ngộ và thu hút nhân tài...

3) Giải pháp về đào tạo và bồi dưỡng NNL:

- Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thành lập trường ĐH Kiên Giang theo hướng đa ngành, đa nghề; tạo điều kiện để phân hiệu ĐH Nha Trang làm tốt công tác đào tạo NNL cho tỉnh; đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng hệ thống công tác đào tạo nghề (đặc biệt là trường CĐ và trung cấp nghề...); - Phát triển và bồi dưỡng đội ngũ GV, cán bộ quản lí các trường ĐH, CĐ, TCCN... đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng; đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, mở rộng quy mô chất lượng đào tạo nghề chính quy tập trung, trung học chuyên nghiệp, CĐ, ĐH, tập trung cho lĩnh vực kinh tế có tiềm năng thế mạnh của tỉnh (như thương mại, nông nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến, vật liệu xây dựng,...).

4) Huy động nguồn lực và tăng cường sự hợp tác:

- Cần tăng ngân sách nhà nước cho phát triển nhân lực bằng nhiều kênh khác nhau, cũng như đẩy mạnh xã hội hóa để tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển nhân lực (từ nhân dân, từ các doanh nghiệp và các tổ chức); - Liên kết, hợp tác với các viện, trường ĐH, trung tâm nghiên cứu... tại TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ...; mở rộng quan hệ giao lưu, trao đổi với các tỉnh khác (nhất là các tỉnh lân cận vùng Đồng bằng sông Cửu Long), các nước láng giềng để học tập, rút kinh nghiệm, góp phần nâng cao năng lực nhân lực.

Công tác phát triển NNL, đặc biệt là NNL chất lượng cao có một ý nghĩa rất quan trọng. Điều này đòi hỏi lãnh đạo các cấp, ban, ngành và toàn thể nhân dân trong tỉnh cần quán triệt quan điểm xem GD-ĐT, khoa học và công nghệ là "quốc sách hàng đầu", điều kiện tiên quyết và giải pháp tối ưu; cần có quy hoạch, kế hoạch phân bổ, sử dụng nhân lực một cách đồng đều và hợp lí để tận dụng triệt để hơn tiềm năng, thế mạnh của địa phương mình. □

(1) Cục Thống kê Kiên Giang. "Niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2010". Kiên Giang, 2011.

(2) Cục Thống kê Kiên Giang. "Niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2011". Kiên Giang, 2012.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội

(Xem tiếp trang 62)

3) Hình trụ đặc, bán kính R, khối lượng M, chiều cao H, quay quanh trục (D) vuông góc với trục của hình trụ và đi qua khối tâm của nó.

Hướng dẫn: Chọn trục tọa độ Oxyz gốc tại trọng tâm của hình trụ, Oz trùng với trục của hình trụ. Chia hình trụ bởi các mặt phẳng song song với Oz có tọa độ là z và z + dz. Phần hình trụ nằm giữa 2 mặt phẳng có thể coi là đĩa tròn đồng nhất, chọn trục quay (D') đi qua tâm của nó và // (D). Áp dụng kết quả BT 3 và định lý Huyghen để xây dựng biểu thức dưới dấu tích phân và giải bài toán.

Trên đây là kĩ thuật xây dựng tích phân và đơn giản hóa những bài toán phức tạp trong việc tìm Momen quán tính của một số vật rắn có tính chất đối xứng trong phần *Cơ học vật rắn*. Vận dụng kĩ thuật này, SV có thể giải quyết các bài toán tĩnh điện (sự tích điện của một số vật có kích thước gây ra điện trường ở xung quanh nó,...) cũng như các bài toán về từ trường (cảm ứng từ gây ra tại một điểm

của một số dòng điện đi qua vật dẫn có hình thù khác nhau). □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Minh. *Cơ học*. NXB Giáo dục, H. 1999.
2. David Halliday. *Cơ sở vật lí*. NXB Giáo dục, H. 1999.

SUMMARY

In training college physics teachers curriculum (Teachers of physics, of mathematics bachelor of informatics,...). The content of this section has a lot of exercises related of physical concepts "Moment of inertia of a solid" and stated the formulas for calculating the moment of inertia of some solid symmetrical mature to apply the relevant exercises. However, if you know how to analyze the problem into smaller problem for you on one-variable problem, the calculation becomes fairly self explanatory that students can do at home. In doing so, all the formulas presented in the program can be demonstrated, students can better understand the nature of this physical quantity and strengthen math - an important tool in the study of physics.

Tình trạng "học trú chân"...

(Tiếp theo trang 64)

bảo sự duy trì sinh hoạt và thực hành để mỗi nhóm SV (10 SV/nhóm) được tham gia ít nhất một lần.

- Nhà trường kết hợp chặt chẽ với các ban, ngành hữu quan trong tỉnh xây dựng, thực hành, trải nghiệm hệ thống KNS cho HS ở các cấp học giúp các em hiểu được ý nghĩa của cuộc sống đồng thời có những quyết định đúng đắn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân trong tương lai.

Hiện tượng "học trú chân" của SV ở các trường ĐH, CĐ đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy và học của nhà trường; gián tiếp phản ánh sự non kém, thiếu hụt các KNS của SV. Vì vậy, việc giáo dục, tạo lập cho SV hệ thống KNS để bắt nhịp được với cuộc sống hiện đại, với xu thế hội nhập là yêu cầu thiết, giúp các em đạt thực hiện được 4 trụ cột trong học tập do UNESCO đề ra: "Học để biết", "Học để làm việc", "Học để cùng chung sống" và "Học để tự khẳng định mình". □

(1) Quốc Việt. "83% SV thiếu kĩ năng sống". <http://phapluattp.vn>

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình. *Giáo trình chuyên đề giáo*

dục kĩ năng sống. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2010.

2. Nguyễn Văn Lê. *Học sinh, sinh viên với văn hóa đạo đức trong ứng xử xã hội*. NXB Giáo dục, H. 2006.

SUMMARY

Incontemporary life, living skills of students in University level are concerned issue of the whole society. The lacking of living (including basic skill and soft skills) considerably effect on their future. The way of unsettled study in the way they show the absence of living skills of big part students. It directly effect on their result and training. Besides, in makes the classroom's stability is broken down, and indirectly effects on the education process of colleges and universities.

Chất lượng nguồn nhân lực...

(Tiếp theo trang 64)

đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

2. Tỉnh ủy Kiên Giang. *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010 - 2015*, 2010.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. "Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011 - 2020" (ngày 23/02/2012).

4. Cục Thống kê Kiên Giang. "Số liệu thống kê kinh tế - xã hội Kiên Giang 30 năm (1975 - 2005)". Kiên Giang, 2007.